

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2021/HC-PT

Ngày 18-10-2021

V/v *Khiếu kiện hủy Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đình Trung;
Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phan Diệu Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 213/2020/TLPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 15/2019/HC-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7963/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Bà **Đinh Thị M**, sinh năm 1966, địa chỉ: **Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1967; địa chỉ: **Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**. (Giấy uỷ quyền ngày 17/06/2016). Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân Tỉnh N**: Ông **Thái Thanh Q**. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Lê Hồng V**, chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo quyết định uỷ quyền số 2311/QĐ-UBND ngày 21/6/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N**, tỉnh Nghệ An: Ông **Nguyễn Tiến D**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức T1** - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức T1** - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Năm 2013, thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp **Quốc lộ A** đoạn qua xã **N**, huyện **N**, tỉnh **Nghệ An**; **Ủy ban nhân dân huyện N** đã kiểm kê hiện trạng và lập phương án bồi thường cho gia đình bị ảnh hưởng dự án. Trong đó, gia đình bà **Đinh Thị M** bị thu hồi và được bồi thường 20m² đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 2, xóm **C**, xã **N**, huyện **N** với giá bồi thường là 41.100.000 đồng. Nguồn gốc thửa đất của gia đình bà **M** trước đây thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 5 tại xóm **C**, xã **N**, huyện **N**, tỉnh **Nghệ An** có diện tích 587m², gia đình sử dụng từ năm 1990. Ngày 02/8/1998 được **UBND huyện N** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) thể hiện thửa số 5, tờ bản đồ số 118 tại **Xóm F**, xã **N**, huyện **N**, tỉnh **Nghệ An** có diện tích 400m² (gồm 200m² đất ở và 200m² đất vườn).

Theo bà **M**, **Ủy ban nhân dân huyện N** đã thu hồi đất của gia đình bà 173m² nhưng chỉ có quyết định thu hồi 20m², còn 153m² không có quyết định thu hồi, không lập phương án bồi thường là chưa thỏa đáng vì diện tích đất 153m² nằm trong phạm vi 13,5m tính từ tim **đường Q**. Do đó, bà **Đinh Thị M** có đơn khiếu nại. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N** đã ban hành Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận khiếu nại bồi thường của gia đình bà **Đinh Thị M**. Bà **Đinh Thị M** tiếp tục khiếu nại đến **Ủy ban nhân dân tỉnh N**. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh N** ban hành Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (viết tắt là Quyết định số 2221).

Ngày 09/6/2016, bà **Đinh Thị M** có đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung:

- Hủy một phần Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh N** về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với 46 hộ dân xã **N**, huyện **N**, **Nghệ An** (phần có liên quan đến bà **Đinh Thị M**).

- Yêu cầu phải lập phương án bồi thường thêm diện tích đất 153m² của gia đình bị thu hồi để thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp **Quốc lộ A**.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh N** và Chủ tịch **UBND huyện N** đã ban hành các quyết định hành chính có nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần Quyết định số 2221. Do không đồng ý với toàn bộ các quyết định hành chính đã ban hành, tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã bổ sung yêu cầu hủy các quyết định liên quan: Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 và Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh**

N; Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 và Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện N.

Phía người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N trình bày: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Đinh Thị M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2), có nội dung giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu). Quá trình tố tụng tại Tòa án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016, có nội dung chỉ đạo UBND huyện N "... Khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo các văn bản chỉ đạo nêu trên mà không phụ thuộc vào các nội dung đã được kết luận, giải quyết tại quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh". Ngày 25/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 3773/QĐ-UBND sửa đổi, hủy bỏ, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016. "Hủy bỏ Đoạn 3 Điều 1 phần quyết định" Bổ sung Điều 1 phần Quyết định 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016; Không công nhận phần giải quyết khiếu nại số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện N đối với 24 hộ dân: ... Đinh Thị M...". Do vậy, sau khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) thì quyền lợi của bà Đinh Thị M cũng đã được xem xét, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn kiện của bà Đinh Thị M.

Phía người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N trình bày: Sau khi bà Đinh Thị M khiếu nại về việc UBND huyện N không bồi thường diện tích 153m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ A. Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập đoàn kiểm tra hiện trạng thực tế gia đình bà Đinh Thị M, về hồ sơ quản lý đất đai: gia đình bà Đinh Thị M sử dụng thửa đất từ năm 1990, khi cấp đất đã được trừ hành lang giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Căn cứ Điều 1 Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 04/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh N sửa đổi khoản 4 Điều 16 quy định: "Đất bồi trúc, đắp đường đi lại trong phạm vi hành lang đường giao thông hoặc trên đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định thì không được bồi thường, hỗ trợ". Do gia đình bà Đinh Thị M không bị ảnh hưởng diện tích nên không lập hồ sơ bồi thường đất cho gia đình bà M.

Ngày 19/12/2014, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 2096/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của 46 hộ dân xóm A, 2, 3, 6 xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Đinh Thị M. Ngày 12/7/2019, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019, khẳng định, gia đình bà Đinh Thị M không được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 153m² do phần diện tích này là đất hành lang, không giao đất cho hộ gia đình, hiện trạng không sử dụng vào mục đích đất ở, đất vườn; đất bà Đinh Thị M đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đã thừa nhận diện tích còn

lại là hành lang giao thông đã trả lại. Do đó Chủ tịch UBND huyện N giữ nguyên Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 về việc giải quyết khiếu nại và thống nhất với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đối với gia đình bà M. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ủy ban nhân dân huyện N thống nhất với quan điểm trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 62; Điều 66; Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 84, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh N. Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với 46 hộ dân xã N, huyện N, Nghệ An; Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016; Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N sửa đổi, hủy bỏ bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016; Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 về việc giải quyết khiếu nại của 46 hộ dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; yêu cầu phải lập phương án bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ A;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2019, bà Đinh Thị M kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền cho rằng diện tích đất đã bị thu hồi 153m² thuộc quyền sử dụng của bà, nằm trong phạm vi 13,5m, tính từ trục đường Quốc lộ 1A và phải được lập phương án bồi thường theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N và xem xét các Quyết định hành chính có liên quan, xác định diện tích đất của bà M

bị thu hồi là 173m² chứ không phải là 20m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Đinh Thị M và các quyết định có liên quan là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên đây là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính. Ngày 06/6/2016 bà M làm đơn khởi kiện là trong thời hạn 01 năm sau khi bà nhận được quyết định nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M là đúng thẩm quyền, đúng thời hiệu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về sự vắng mặt tại phiên tòa của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người bị kiện là chủ tịch UBND tỉnh N có văn bản ngày 21/6/2019 ủy quyền cho ông Lê Hồng V - Phó Chủ tịch UBND tỉnh N tham gia tố tụng là đúng quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa hôm nay, người được ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về nội dung: Bà Đinh Thị M khởi kiện và kháng cáo yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N và các quyết định có liên quan; thực chất là bà M khiếu nại về nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT và các quyết định có liên quan, theo đó bà M yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N xem xét lại tổng diện tích đất mà gia đình bà bị thu hồi là 173m² chứ không phải là 20m² để lập phương án bồi thường thêm phần diện tích đất 153m².

Xét đơn khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị M, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[4] Về xác định diện tích đất được bồi thường: Nguồn gốc thửa đất gia đình bà M được UBND xã giao đất năm 1990, trước đây thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 5 tại Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ an có diện tích 587m². Đến ngày 02/8/1998 được UBND huyện N cấp GCNQSD đất thể hiện thửa số 5, tờ bản đồ số 118 tại Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ an có diện tích 400m² (gồm 200m² đất ở và 200m² đất vườn) và bà M đã thừa nhận diện tích còn lại là hành lang giao thông đã trả lại.

Việc cấp GCNQSD đất cho bà **M** được thực hiện theo Nghị định 64/CP nên hiện nay UBND huyện **N** không có hồ sơ cấp GCNQSD đất lưu và trong GCNQSD cấp cho bà **M** không có sơ đồ thửa đất nên không có căn cứ xác định UBND huyện **N** cấp đất cho gia đình bà cách tim đường bao nhiêu mét. Tuy nhiên, tại thời điểm cấp GCNQSD đất thì Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng đang có hiệu lực thi hành, quy định không được cấp đất để ở đối với phần diện tích đất nằm trong phạm vi hành lang Quốc lộ **A** là 20m, tính từ mép đất đến đường. Đồng thời, Chủ tịch UBND huyện **N** cũng đã ban hành Chỉ thị số 140/CT-UB ngày 10/11/1983 về việc thực hiện các quy định hành lang giao thông đường bộ trong khi thực hiện Nghị định 64/CP. Từ đó, có thể khẳng định diện tích đất gia đình bà **M** được cấp GCNQSD đất không nằm trong hành lang giao thông đường bộ. Còn diện tích 153m² Nhà nước thu hồi là đất hành lang, không giao đất cho hộ gia đình.

Ngoài ra, năm 1994 thực hiện dự án khôi phục Quốc lộ **A**, Nhà nước đền bù giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mở rộng nền đường 1,5m, không đền bù phần đất bị giải tỏa làm hành lang an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi 7m thì gia đình bà **M** cũng không có hồ sơ thể hiện bị thu hồi đất và được bồi thường. Do đó, từ khi thực hiện dự án PMU1 thì gia đình bà **M** cũng đã không bị ảnh hưởng.

[5] Quá trình tố tụng tại Tòa án; Ngày 15/01/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **N** ban hành Quyết định số 125/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016, có nội dung chỉ đạo UBND huyện **N** “... Khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo các văn bản chỉ đạo nêu trên mà không phụ thuộc vào các nội dung đã được kết luận, giải quyết tại quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh”.

Ngày 12/7/2019, Chủ tịch UBND huyện **N** ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019, khẳng định gia đình bà **Đinh Thị M** không được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 153m².

Ngày 25/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **N** ban hành Quyết định số 3773/QĐ-UBND sửa đổi, hủy bỏ, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016, cụ thể:

+ “Hủy bỏ Đoạn 3 Điều 1 phần quyết định” (Đoạn 3 Điều 1 phần quyết định có nội dung: “Giữ nguyên phần giải quyết đối với 24 trường hợp gồm: ... **Đinh Thị M** ... cấp đất từ giai đoạn 1986 đến 1993 (sau Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng có hiệu lực thi hành) không được bồi thường về đất ở đối với diện tích đất đã được giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ **A**”)

+ Bổ sung Điều 1 phần Quyết định: “Không công nhận phần giải quyết khiếu nại số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện **N** đối với 24 hộ dân: ... **Đinh Thị M**...”.

+ Sửa đổi Điều 1 phần Quyết định: “Trên cơ sở kết quả rà soát điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với 24 hộ dân sử dụng đất sau ngày 21/12/1982 gồm các ông dân ... **Đinh Thị M** ... thực hiện thủ tục để bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật”;

Như vậy, quyền lợi của gia đình bà **M** đã được xem xét tại Quyết định 1909, xác định hộ bà **M** không đủ điều kiện để được bồi thường 153m² theo hiện trạng là đúng thực tế và đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá các căn cứ, tình tiết của vụ án và quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị M** là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, theo đó vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm nhưng không bổ sung được chứng cứ, tài liệu nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà **Đinh Thị M**; cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà **Đinh Thị M** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà **Đinh Thị M**; Giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Bà **Đinh Thị M** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà **M** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004040 ngày 22/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền